TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-05-2024
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh– Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về *việc "Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà **Phạm Thị Cẩm V**, sinh năm: 1978;

Nơi ĐKHKTT: K56/9 đường P, tổ E phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.*Có mặt.*

***- Bị đơn*:** Ông **Trần Văn H,** sinh năm 1971; Địa chỉ: K đường P, tổ E phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2024, bản tự khai đề ngày 27/3/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị Cẩm V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Cẩm V và ông Trần Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/1996 tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, thì bà V và ông H chung sống tại K đường P, tổ E phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian sống chung, ông H không có công việc làm ổn định, thường xuyên chửi bới xúc phạm bà V, mọi gánh nặng về kinh tế gia đình đều do bà V lo toan nên bà V phải đi làm ăn xa để trang trải nợ nần,

từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt và đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị Cẩm V xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là: Trần Văn H1, sinh năm1996; Trần Văn H2, sinh năm 1999; Trần Thị Khánh H3, sinh năm 2003. Hiện nay cả ba con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Phạm Thị Cẩm V khai nhận không có.

Bị đơn là ông Trần Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên hoà giải, tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi về việc bà Phạm Thị Cẩm V xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V đối với bị đơn ông Trần Văn H về việc: "*Ly hôn*".

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Phạm Thị Cẩm V được ly hôn với ông Trần Văn H.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị Cẩm V xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là: Trần Văn H1, sinh năm 1996; Trần Văn H2, sinh năm 1999; Trần Thị Khánh H3, sinh năm 2003. Hiện nay, cả ba con chung đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Phạm Thị Cẩm V xác định không có nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Phạm Thị Cẩm V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn H cư trú tại địa chỉ tại K đường P, tổ E phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân

sựthẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Trần Văn H.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên toà, bà Phạm Thị Cẩm V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng, cả hai đã sống ly thân nhiều năm nên bà V không còn tình cảm với ông H. Do vậy, yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn H.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Cẩm V và ông Trần Văn H là hợp pháp. Theo bà V trình bày vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm mỗi người một nơi từ năm 2017 cho đến nay là phù hợp với Biên bản xác minh ngày 06/3/2024 của Toà án tại địa phương ông H sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến tham gia phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông H bỏ mặc, không muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà V nên Hội đồng xét xử có căn cứ định xác định mâu thuẫn vợ chồng như bà V trình bày là có thật.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà V và ông H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyện vọng xin được ly hôn của bà Phạm Thị Cẩm V là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị Cẩm V xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là: Trần Văn H1, sinh năm 1996; Trần Văn H2, sinh năm 1999; Trần Thị Khánh H3, sinh năm 2003. Hiện nay, cả ba con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Phạm Thị Cẩm V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Cẩm V phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Ly hôn*" của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V đối với bị đơn ông Trần Văn H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Cẩm V được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phạm Thị Cẩm V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0001211 ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Ánh